

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2022.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Xôm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông: Khoàng Văn Hặc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05/7/2022 về việc tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị B** – Sinh năm: 1989 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh **Giàng A M** – Sinh năm: 1984 – Có đơn xin xin vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Đ (hiện đang chấp hành án tại Đội 01, phân trại 01, Trại giam Y - S có địa chỉ: Bản N, xã H, huyện P, tỉnh S).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 24 tháng 6 năm 2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Sùng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, được sự nhất chí của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 09 tháng 8 năm 2007, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống từ năm 2007 đến năm 2016 vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc.

Từ năm 2016 đến năm 2021 anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau vì anh M sử dụng ma túy, chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không được, anh M hứa nhiều lần sẽ từ bỏ ma túy nhưng ngày càng lún sâu và nghiện nặng hơn. Khi lên con thì anh M lấy của cải trong nhà mang đi bán lấy tiền để mua ma túy về sử dụng làm cho gia đình đã nghèo lại càng nghèo thêm. Khi chị B khuyên nhủ thì anh M không những không tiếp thu mà còn đánh đập chị nhiều lần và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần bỏ về với bố mẹ đẻ, nhưng được bố mẹ, chị, em khuyên bảo nên chị đã tha thứ cho anh M. Vì nghĩ thương hai đứa con, còn nhỏ nên chị đã về và khuyên cho anh M nhiều cơ hội để đi cai nghiện nhưng anh M không chịu đi cai nghiện mà ngày càng lún sâu hơn và nặng thêm làm cho mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Anh M nghiện ma túy nên không giúp chị được gì, chỉ mình chị lao động vất vả làm nương rẫy được vài chục bao thóc để nuôi con nhưng khi lên con nghiện thì anh M lại mang đi bán lấy tiền mua ma túy. Vì bất lực đã có lúc chị nghĩ đến việc đi tử tự bằng lá ngón, nhưng sau đó chị lại suy nghĩ lại sẽ không thể làm như vậy mà phải giải thoát cuộc sống cho mình bằng cách ly hôn để còn nuôi dạy con cái. Năm 2021 anh M bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị TAND huyện Mường Chà xử và tuyên phạt là 18 tháng tù hiện tại đang đi chấp hành án tại Đội 01, phân trại 01, Trại giam Yên Hạ - Sơn La có địa chỉ: Bản N, xã H, huyện P, tỉnh S.

Chị B xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Giàng Thị Long N - Sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và Giàng Mạnh K - Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị B cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Vì anh M đang đi chấp hành án nên chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 04/8/2022 anh Giàng A M bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B có đăng ký kết theo quy định của pháp luật tại UBND xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 anh bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không lớn, anh mong được Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là Giàng Thị Long N - Sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và Giàng Mạnh K - Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Mặc dù hiện anh đang chấp hành án phạt tù nhưng anh vẫn mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, không đồng ý cho chị B nuôi cả hai con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, riêng: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị B và anh M ngày 19/8/2022, thể hiện: Hai vợ chồng chị B và anh M có tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đến ngày 09/8/2007 tự nguyện đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Ma Thì Hồ. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh M nghiện ma túy, không quan tâm đến cuộc sống vợ con. Hiện tại anh M đang đi chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, giữa anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh chị đều không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định, nhưng chị B vẫn làm ruộng nương để nuôi và đảm bảo được cuộc sống của các con. Hơn nữa anh M đang đi chấp hành án nên chị B là người có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con hơn.

Theo đơn trình bày nguyện vọng của các con: Giàng Thị Long N - Sinh ngày 12 tháng 03 năm 2012 và Giàng Mạnh K - Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu bố mẹ ly hôn đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; khoản 1, 2 Điều 72; khoản 1 Điều 228/BLTTDS; Điều 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GD năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Sùng Thị B. Tuyên xử cho chị Sùng Thị B được ly hôn với anh Giàng A M.

Về con chung: Theo nguyện vọng của các cháu Giàng Thị Long N - Sinh ngày 12 tháng 03 năm 2012 và Giàng Mạnh K - Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013, xét về điều kiện để nuôi con tại thời điểm hiện tại đề nghị giao các cháu cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại bản tự khai anh M khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí sơ thẩm HNGĐ cho chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn trú tại bản Hồ Chim 1, xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bị đơn anh M có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về hôn nhân:

[2]. Chị B và anh M sau khi tìm hiểu, chung sống và đi đến đăng ký kết hôn ngày 09/8/2007, tại UBND xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, trên cơ sở tự nguyện. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Cuộc sống chung của chị B và anh M hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2016, sau đó bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M nghiện ma túy. Mặc dù chị B và gia đình đã khuyên nhủ anh M nhưng anh M không nghe mà càng ngày càng lún sâu vào con đường nghiện ma túy, không còn quan tâm cuộc sống vợ con. Một mình chị phải làm lụng chăm lo cho các con, đã thế anh M lại còn đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Có lúc cuộc sống bế tắc chị đã nghĩ đến việc ăn lá ngón tử tự nhưng rồi vì các con chị lại không làm được. Vì không nghe lời khuyên bảo của vợ và gia đình, không từ bỏ ma túy nên năm 2021 anh M bị bắt và bị TAND huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên xử và tuyên phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện tại đang phải chấp hành án tại Đội 01, phân trại 01, Trại giam Y - S. Sau khi thụ lý vụ án ngày 22/8/2022, Tòa án đã ra quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ và đã tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã phân tích khuyên giải chị B rút đơn nhưng chị B vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn. Tại phiên tòa chị vẫn khẳng định không còn tình cảm và cương quyết xin được ly hôn với anh M.

Anh M cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức nghiêm trọng mong Tòa án hòa giải được đoàn tụ với chị B. Tại biên bản xác M ngày

19/8/2022, tại nơi cư trú của anh chị, thể hiện thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là anh M nghiện ma túy. Hiện tại anh M đi chấp hành án, anh chị không còn quan tâm cuộc sống của nhau.

Từ những căn cứ nêu trên: Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh M và chị B không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của chị B đối với anh M.

Xét về con chung:

[3]. Chị B và anh M 02 con chung Giàng Thị Long N - Sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và Giàng Mạnh K - Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013. Cháu Nhi và cháu Ký đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, chị B cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu. Anh M cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, nhưng anh M đang chấp hành án phạt tù, nên xét về điều kiện hiện tại anh M không thể có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu được. Chị B, tuy chị không có công việc làm ổn định nhưng hiện tại chị có sức khỏe lao động, sản xuất và tại thời điểm hiện nay chị có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy các cháu. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và đảm bảo sự phát triển bình thường cả về vật chất và tinh thần cho các cháu cần giao cho chị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu là phù hợp, đồng thời cũng đúng với nguyện vọng của các cháu. Ghi nhận việc chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:

[4]. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết. Tại bản tự khai anh M khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết về tài sản chung, riêng và công nợ của anh chị.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị B là người dân tộc thiểu số, sinh sống khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí sơ thẩm HNGĐ cho chị B.

Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; khoản 1, 2, 3 Điều 72; khoản 1 Điều 228/BLTTDS; Điều 8; 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58;

khoản 3 Điều 70; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật HN&GD năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Sùng Thị B. Chị Sùng Thị B được ly hôn với anh Giàng A M.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Thị Long N - Sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và cháu Giàng Mạnh K - Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Giàng A M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm HNGĐ cho chị B.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/9/2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm